TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-PT
Ngày: 17-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ.

Các Thẩm phán: Bà Mạc Thị Chiên.

Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2025, Thông báo dời phiên tòa số 49/TB-TA ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Toshiyuki I - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn N -Chuyên viên phụ trách công nợ phải thu.

Địa chỉ: Số B B, N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký thường trú: 20A/1 Khu vực Bình Phó A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

2.2. Bà Bùi Băng C, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký thường trú: 88/55, CMT8, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà C:

- Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1982, có mặt.

- Ông Tô Minh L1, sinh năm: 1999, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Dương Thị Y, sinh năm 1995, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: B, đường số D, KDC H, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2.3. Ông Lê Phước V, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2.4. Bà Cao Phương T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Băng C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần D1 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Bùi Băng C các đơn hàng là thuốc chữa bệnh (dược phẩm) để ông L, bà C kinh doanh tại 02 nhà thuốc Băng Châu và Trúc L2 do ông L, bà C làm chủ và thuê dược sĩ đứng tên kinh doanh 02 nhà thuốc là ông Lê Phước V và bà Cao Phương T1, cụ thể:

Từ ngày 07/07/2015 đến ngày 24/12/2015, Công ty Cổ phần D2 đã cung cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Bùi Băng C tổng cộng 168 đơn hàng về kinh doanh tại nhà T, với tổng số tiền 819.395.814 đồng, trong đó ông L, bà C đã thanh toán 422.395.814 đồng, số tiền còn nợ lại đến ngày 09/02/2022 là 397.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi bảy triệu đồng).

Ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016, Công ty Cổ phần D2 đã cung cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Bùi Băng C tổng cộng 63 đơn hàng về kinh doanh tại nhà T, với tổng số tiền 337.826.382 đồng, trong đó ông L, bà C đã thanh toán 112.826.382 đồng, số tiền nợ còn lại đến ngày 09/02/2022 là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Hình thức giao dịch của Công ty là do ông L trước đây là nhân viên bán hàng của Công ty, ông L trực tiếp lấy hàng từ Công ty chở về Nhà thuốc của mình, định kỳ sau 03 tháng thì Công ty đối chiếu nợ.

Quá trình mua bán, ông L và bà C nhận hàng hóa, xác nhận công nợ, thanh toán tiền mua hàng (Kèm theo các bảng xác nhận công nợ ngày 02/7/2018, Tờ cam kết thanh toán nợ ngày 01/9/2016, Biên bản làm việc ngày 16/9/2016, các phiếu thu do ông Nguyễn Văn L nộp tiền mua hàng).

Ngày 14/6/2018, Công ty Cổ phần D2 chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên D2. Ngày 01/7/2018 Công ty TNHH Một thành viên D2 chuyển giao toàn bộ quyền yêu cầu thanh toán nợ đối với 02 khoản nợ của nhà thuốc B và nhà thuốc Trúc L2 cho Công ty Cổ phần D.

Do Công ty Cổ phần D đã nhiều lần làm việc trực tiếp và gửi công văn yêu cầu thanh toán nợ, tuy nhiên đến nay ông L, bà C chưa trả hết nợ. Công ty Cổ phần D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy xem xét giải quyết buộc ông Lê Phước V, bà Cao Phương T1, bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ.

Do ông V và bà T1 đứng giấy phép đăng ký kinh doanh, nguyên đơn không rõ sự hợp tác giữa các bên như thế nào nên nguyên đơn rút yêu cầu không yêu cầu ông Lê Phước V và bà Cao Phương T1 liên đới trả số tiền nợ nguyên đơn, chỉ yêu cầu bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L cùng liên đới thanh toán số tiền nợ sau:

Đối với nhà thuốc B: Số tiền nợ gốc là 397.000.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 02/7/2018 đến 24/9/2024 là 253.000.160 đồng. Tổng số tiền bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Công ty Cổ phần D là 650.000.160 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu một trăm sáu mươi đồng).

Đối với Nhà thuốc T5: Số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 02/7/2018 đến ngày 24/9/2024 là 143.388.000 đồng. Tổng số tiền bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Công ty cổ phần D là 368.388.000đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Băng C là ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Minh T3 trình bày:

Nhà thuốc Băng Châu và Nhà thuốc Trúc L2 do vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Băng C là chủ Nhà thuốc có thực hiện mua bán với Công ty Cổ phần D2. Bà C và ông L không hề thực hiện mua bán với Công ty Cổ phần D nên việc nguyên đơn khởi kiện là không đúng chủ thể nên bị đơn ông L và bà C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy đình chỉ giải quyết vụ án. Ngoài ra, căn cứ Điều 319 Bộ luật Thương mại đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy xem xét về thời hiệu khởi kiện của vụ án.

Đối với số nợ của Nhà thuốc Băng C và Nhà thuốc Trúc L2 nợ công ty cổ phần D2 thì bị đơn đã thanh toán xong nên bị đơn không còn nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần D2.

Nhà thuốc Băng C là ông V đứng tên giấy phép kinh doanh, nhà thuốc Trúc L2 là do bà T1 đứng tên, ông L không có liên quan gì trong vụ án này. Hiện nay, Nhà thuốc Băng C và Nhà thuốc Trúc L2 đã chấm dứt hoạt động nhưng không có quyết định. Bà C có chia lợi nhuận kinh doanh của hai nhà thuốc Băng C và Trúc L2 cho ông V và bà T1, chia theo lợi thuận là tiền quản lý chuyên môn trong hợp đồng đã nêu, căn cứ theo hợp đồng đã ký kết thì giữa bà Bùi Băng C có thỏa thuận với ông Lê Phước V và bà Cao Phương T1, theo thỏa thuận ông V và bà T1 chỉ đứng tên trên giấy phép kinh doanh và ông V, bà T1 chỉ chịu trách nhiệm về chuyên môn, còn mọi vấn đề liên quan đến kinh doanh mua bán thì bà Bùi Băng C, ông Nguyễn Văn L là chủ nhà thuốc là người trực tiếp giao dịch đặt hàng, mua bán thuốc và ký xác nhận công nợ với Công ty Cổ phần D2.

Về kinh doanh tại nhà thuốc Băng Châu tới thời điểm này bị đơn chưa hề nhận được thông báo nào của Công ty Cổ phần D2 đối với việc sáp nhập, sáp nhập Công ty phải có thủ tục giải thể và sáp nhập thì Công ty Cổ phần D mới có quyền thừa kế quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Cổ phần D2 theo quy định pháp luật, đề nghị nguyên đơn cung cấp các tài liệu thể hiện theo nội dung trên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Bị đơn ông Lê Phước V trình bày: Mặc dù ông và bà T1 đứng tên giấy phép kinh doanh nhưng ông và bà T1 không thực hiện bất kỳ giao dịch với Công ty cổ phần D2 và khi phát sinh nghĩa vụ thì Công ty cổ phần D2 cũng không thông báo bất cứ nội dung gì cho ông và bà T1 biết. ông và bà T1 chỉ cho thuê bằng dược sĩ để đăng ký kinh doanh còn mọi việc giao dịch có liên quan đến mua bán thuộc ông L và bà C là chủ nhà thuốc. Bà Bùi Băng C là người trực tiếp ký tên trong hợp đồng. Bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L là người trực tiếp đứng ra giao dịch và ký xác nhận công nợ với Công ty Cổ phần D2. Do đó, việc công ty cổ phần D khởi kiện ông và bà T1 là không đúng. Trách nhiệm này thuộc về bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L là chủ của nhà thuốc (100% vốn hoạt động là của bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L). Ông và bà T1 khẳng định trong suốt quá trình hợp đồng chỉ chịu trách nhiệm về chuyên môn với nhà thuốc. Đề nghị nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với ông và bà T1.

Nhà thuốc Băng C không có giải thể mà chỉ đổi dược sĩ phụ trách nhà thuốc, nhà thuốc vẫn còn hoạt động khi chấm dứt hợp đồng với ông.

Bị đơn bà Cao Phương T1 trình bày: Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 8 năm 2016. Bà có ký hợp đồng kinh tế với bà Bùi Băng C để kinh doanh dược phẩm (nhà T). Hợp đồng có thời hạn là 24 tháng (kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2016 đến ngày 18 tháng 8 năm 2018). Trong hợp đồng có nêu rõ là bà chỉ chịu trách nhiệm về chuyên môn. Bà Bùi Băng C chịu trách nhiệm về sổ sách kinh doanh, thuốc kinh doanh không có số đăng ký, thuốc kém chất lượng, thuốc quá hạn dùng, thuốc giả mạo (nếu có) và các hoạt động khác ngoài kinh doanh thuốc trước pháp luật, bà Bùi Băng C phải kinh doanh các mặt hàng thuốc tân dược hợp pháp và phù hợp với quy định của Cục Q, Bộ Y1 và đồng thời chịu trách nhiệm thanh toán chi phí mua thuốc ở các nơi mua và các lệ phí thuế, thuế thu nhập... trong suốt thời gian kinh doanh và đóng tất cả các loại thuế và phí. Bà được bà

Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L trả cho bà với tổng số tiền là 82.000.000 đồng là tiền thù lao với vai trò là dược sĩ chịu trách nhiệm về chuyên môn. Khi nhà thuốc Trúc L2 giải thể thì không có quyết định giải thể và khi nhà thuốc Trúc L2 giải thể thì bà không tiếp tục đứng tên nữa. Quá trình kinh doanh thì bà C và ông L là người trực tiếp giao dịch đặt hàng, mua bán thuốc và ký xác nhận công nợ với Công ty Cổ phần D2. Nay việc Công ty Cổ phần D khởi kiện bà là không đúng, trách nhiệm này thuộc về bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L.

Bà yêu cầu nguyên đơn rút đơn khởi kiện đối với bà. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L trả:

Đối với nhà thuốc B: Số tiền nợ gốc là 397.000.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 02/7/2018 đến 24/9/2024 là 253.000.160đồng. Tổng số tiền bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Công ty Cổ phần D là 650.000.160 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu một trăm sáu mươi đồng).

- Đối với Nhà thuốc T5: Số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 02/7/2018 đến ngày 24/9/2024 là 143.388.000 đồng. Tổng số tiền bà Bùi Băng C và ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Công ty cổ phần D là 368.388.000đồng (Ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Phước V và bà Cao Phương T1 liên đới trả số tiền nợ nguyên đơn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Băng C kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ, chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện cho bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với các lý do: Khởi kiện không đúng về chủ thể và nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả nợ là không có cơ sở, cụ thể:

Thứ nhất về xác định sai chủ thể khởi kiện: Công ty Cổ phần D2 chuyển giao quyền thanh toán nợ của hai nhà thuốc Băng C và Trúc L2 cho Công ty Cổ phần D nhưng không thông báo cho hai nhà thuốc biết là không đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 365 của Bộ luật dân sự.

Thứ hai là ông L, bà C không ký hợp đồng mua bán thuốc với Công ty Cổ phần D2 mà là nhà thuốc Băng C và nhà thuốc Trúc L2 nên ông L, bà C không nợ Công ty Cổ phần D2 cũng như không nợ Công ty Cổ phần D.

Thứ ba là thời hiệu khởi kiện đã hết.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308 củ Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn vì:

Căn cứ vào việc thế quyền, chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán giữa Công ty Cổ phần D2 với Công ty Cổ phần D. Công ty Cổ phần D2 là Công ty con của Công ty Cổ phần D.

Căn cứ vào biên bản làm việc, bản cam kết trả nợ, biên bản đối chiếu công nợ, các phiếu thu tiền xác định ông L, bà C là chủ hai nhà thuốc Băng C và N1 thuốc Trúc L2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Phước V giữ nguyên các ý kiến trình bày như trên, không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc Công ty Cổ phần D2 chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên D2 ký hợp đồng bán hàng (thuốc tân dược) với hai nhà thuốc Băng C và T5. Nhưng sau đó, Công ty Cổ phần D2 chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ đối với bà Bùi Băng C cho Công ty Cổ phần D. Công ty Cổ phần D tiến hành khởi kiện yêu cầu ông L, bà C có trách nhiệm trả số tiền mua hàng còn nợ đối với hai nhà thuốc Băng C và nhà T5. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về kinh doanh thương mại là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm thụ lý vụ án kinh doanh thương mại nhưng lại xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về dân sự "*Chuyển giao quyền yêu cầu*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là không chính xác do bên thế quyền và bên được thế quyền không phát sinh tranh chấp với nhau về giao dịch chuyển giao quyền.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Vào năm 2015 và năm 2016, Công ty Cổ phần D2 ký kết hợp đồng mua bán hàng là dược phẩm cho 02 nhà thuốc Băng Châu và nhà thuốc Trúc L2. Quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng, cho rằng 02 nhà thuốc Băng Châu và Trúc L2 còn nợ tiền hàng nên Công ty Cổ phần D2 chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ cho Công ty Cổ phần D vào năm 2018. Sau đó (năm 2022), Công ty Cổ phần D khởi kiện và được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án. Xét thấy hợp đồng mua bán hàng giữa Công ty Cổ phần D2 với nhà thuốc Băng Châu thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền hàng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, nếu quá hạn 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn thì phải trả lãi chậm thanh toán. Như vậy, với thỏa thuận của hợp đồng trên không quy định thời gian kết thúc phải thanh toán tiền hàng mà chỉ quy định thời gian trả không tính lãi phát sinh và thời gian trả phải tính lãi phát sinh. Đối với hợp hợp đồng mua bán hàng giữa Công ty Cổ phần D2 với nhà thuốc Trúc L2 chỉ thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền hàng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn và không có thỏa thuận thêm thời gian nào khác. Tuy nhiên, nguyên đơn cung cấp các biên bản cam kết vào ngày 01/9/2016, theo đó Công ty Cổ phần D2 và bà Bùi Băng C thỏa thuận cho nhà B trả dần mỗi tháng 10 triệu đồng trên tổng số nợ phải trả 529.999.993 đồng và cho nhà thuốc Trúc L2 phải trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng trên tổng số tiền còn nợ phải trả 270.903.514 đồng. Với việc thỏa thuận cho trả dần thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ vụ án là đúng quy định.

[2.2]. Tuy nhiên, khi Công ty Cổ phần D2 chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán nợ đối với hai nhà thuốc Băng Châu và nhà thuốc Trúc L2 cho Công ty Cổ phần D thì Công ty Cổ phần D2 đã không thông báo bằng văn bản cho người có nghĩa vụ là chủ hai nhà thuốc Băng C và Trúc L2 biết theo quy định tại khoản 2 Điều 365 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 369 của Bộ luật Dân sự, quy định "*trường hợp bên có nghĩa vụ do không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu mà đã thực hiện nghĩa vụ đối với người chuyển giao quyền yêu cầu thì người thế quyền không được yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đối với mình.* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng khoản nợ của Công ty Cổ phần D2 bị đơn đã thanh toán xong.

Vì vậy, để xác định việc Công ty Cổ phần D2 khi chuyển giao quyền yêu cầu thanh toán khoản nợ có thông báo cho người có nghĩa vụ biết hay không vì thông báo là nghĩa vụ của bên thế quyền là Công ty Cổ phần D2 không phải nghĩa vụ của bên nhận thế quyền là Công ty Cổ phần D và đồng thời xác định khoản nợ của hai nhà thuốc Trúc L2 và nhà thuốc B đã được trả cho Công ty Cổ phần D2 hay chưa thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa Công ty Cổ phần D2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ vấn đề này là thiếu sót.

[2.3]. Mặt khác, nguyên đơn yêu cầu tính khoản lãi trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày hai bên chốt công nợ ngày 02/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019 quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: *"Trường hợp*

bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác" nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại theo hướng dẫn tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để từ đó có cơ sở quyết định mức lãi suất chậm trả mà đã lấy mức lãi suất theo nguyên đơn yêu cầu 10%/năm để buộc bị đơn phải trả là chưa đúng.

[2.4]. Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định bị đơn với tư cách là các cá nhân là không chính xác mà cần phải xác định bị đơn là chủ nhà thuốc Băng C và nhà thuốc Trúc L2 là chủ thể có đăng ký kinh doanh theo Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do cấp sơ thẩm có những vi phạm tố tụng làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết của vụ án mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét thấy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo không phải chịu. Bị đơn ông Nguyễn Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005858 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy. Bị đơn bà Bùi Băng C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0005859 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 3 năm 2025.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thọ